

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2017/HSPT

Ngày: 17/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Hồng Hương**

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Trần Nam Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phạm Văn Cánh**

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai: **Ông Trần Văn Khanh** - Kiểm sát

viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 240/2017/HSPT ngày 02/10/2017 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 281/2017/HSST ngày 19/7/2017 của TAND thành phố B.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1991, tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Họ và tên mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1972; Vợ là Hồ Thị Hồng L, sinh năm 1987 (đăng ký kết hôn vào 10/10/2017) và chưa có con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2016 đến ngày 14/8/2016 và bị bắt tạm giam từ ngày 04/11/2016 đến ngày 18/01/2017. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Có mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự - Công ty TNHH MTV H nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không triệu tập)

NHẬN THẤY

Theo án hình sự sơ thẩm: Lợi dụng sự sơ hở trong hoạt động quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (Công ty H), địa chỉ tầng 1, Cao ốc A, số 473 đường T, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc bảo lãnh vay tiền để mua hàng, Nguyễn Trọng N đã sử dụng Giấy chứng minh nhân và

Giấy phép lái xe của người khác, sau đó thay đổi hình ảnh trên các Giấy tờ trên rồi thực hiện ký kết hợp đồng vay tiền tiêu dùng trả góp với Công ty H, nhằm trốn tránh việc trả tiền cho công ty để chiếm đoạt tài sản. Từ ngày 02/8/2016 đến ngày 03/08/2016, N đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 02/8/2016, N dùng 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe mang tên Vũ Đặng Quốc M, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú ấp 3, xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai và thay hình của N vào các giấy tờ trên, rồi đến Cửa hàng T, địa chỉ 1/1, đường P, khu phố 9, phường T, thành phố B. Tại đây, N gặp anh Vương Hữu R, sinh năm 1992, là nhân viên của Công ty H, N tự nhận là Vũ Đặng Quốc M và cung cấp Giấy chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe mang tên Vũ Đặng Quốc M (đã được thay đổi hình ảnh của N) đưa cho anh R, để đề nghị Công ty H cho vay số tiền 8.489.000 đồng mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, có giá là 9.990.000 đồng. Để hoàn chỉnh hồ sơ, N còn cung cấp các thông tin cá nhân giả liên quan đến Vũ Đặng Quốc M và thông tin về người thân, có bố tên Vũ Đặng Q, số điện thoại liên lạc 01692.039xxx và anh trai tên Vũ Đặng Quốc S, số điện thoại liên lạc 01649.542xxx. Sau khi tiếp nhận, anh R điền các thông tin trên vào máy tính theo mẫu và chuyển về Công ty H (qua email) để bộ phận thẩm định của công ty H xác định các thông tin do N cung cấp, sau khi có kết quả trả lời của bộ phận thẩm định, anh R đã đồng ý cho N làm thủ tục để Công ty H cho vay số tiền trên. Sau khi làm thủ tục vay tiền, N trả trước 2.000.000 đồng cho cửa hàng T rồi lấy điện thoại di động mang về bán lấy tiền tiêu xài.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 02/8/2016, N tiếp tục dùng 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe mang tên Thân Văn P, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Bình đã được thay hình của N, rồi đến Cửa hàng F, địa chỉ số 6, khu phố 1, phường T, thành phố B. Tại đây, N gặp chị Hồ Diễm K, sinh năm 1990, là nhân viên của công ty H, N tự nhận là Thân Văn P và cung cấp Giấy chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe mang tên Thân Văn P (đã được thay đổi hình ảnh của N) đưa cho chị K, để đề nghị Công ty H cho vay số tiền 8.489.000 đồng mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, có giá là 9.990.000 đồng. Để hoàn chỉnh hồ sơ, N cung cấp các thông tin cá nhân giả liên quan đến Thân Văn P và thông tin về người thân, có bố tên Thân Văn V, số điện thoại liên lạc 01663.279xxx và anh trai tên Thân Văn X, số điện thoại liên lạc 01659.810xxx. Sau khi tiếp nhận, chị K nhập các thông tin trên vào phần mềm quản lý thì phát hiện địa chỉ do N cung cấp không có trong hệ thống của công ty nên yêu cầu N cung cấp lại, sau đó N cung cấp địa chỉ mới, chị Hương điền thông tin, chuyển về Công ty H để bộ phận thẩm định của công ty xác định các thông tin do N cung cấp, kết quả hồ sơ của N được công ty H phê duyệt. Do nghi ngờ về địa chỉ

thường trú do N cung cấp không chính xác nên chị K hẹn N ngày 03/8/2016 sẽ đến ký hợp đồng và nhận điện thoại. Sau khi xác minh, chị Hương đã gọi điện thoại cho N đến cửa hàng F để ký kết hợp đồng. Khoảng 13 giờ ngày 03/8/2016, N đi đến cửa hàng F làm thủ tục để Công ty H cho vay số tiền trên. Sau khi làm thủ tục vay tiền, N trả trước số tiền 2.000.000 đồng cho cửa hàng F rồi lấy điện thoại di động trên. Khi N vừa chuẩn bị đi về, thì bị anh Lê Xuân D, sinh năm 1977, là nhân viên an ninh của Công ty H nghi ngờ nên giữ N cùng tang vật giao Công an phường T, lập hồ sơ giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý. (Tang vật là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 màu Gold đã trả lại cho Công ty H)

Về dân sự: Đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn dân sự, ông Lê Xuân D yêu cầu bồi thường số tiền 13.044.000 đồng (gồm khoản tiền gốc N chiếm đoạt trong lần đầu tiên và lãi suất). Bị cáo N đã bồi thường xong.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 281/2017/HSST ngày 19/7/2017 của TAND thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Điều 33, Điều 53 BLHS xử phạt: bị cáo Nguyễn Trọng N 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/8/2017, bị cáo Nguyễn Trọng N kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do phạm tội lần đầu và có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa, bị cáo N tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét kháng cáo của bị cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo vừa mới cưới vợ là chị Hồ Thị Hồng L và chị L đang mang thai.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm cho rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự công cộng tại đại phương. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định mức án 01 năm tù đối với bị cáo là phù hợp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trọng N thừa nhận đã có hành vi dùng hình ảnh của mình dán vào Giấy chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe của người khác (anh Vũ Đặng Quốc M và Thân Văn P) để thực hiện hành vi lừa đảo

chiếm đoạt tiền của công ty H. Liên tiếp trong hai ngày 02 và 03/8/2016, bị cáo đã dùng thủ đoạn trên để làm thủ tục vay tiền mua điện thoại trả góp. Số tiền bị cáo chiếm đoạt mỗi lần là 8.489.000 đồng (lần thứ hai bị phát hiện bắt giữ). Như vậy, bị cáo Nguyễn Trọng N đã hai lần sử dụng giấy tờ nhân thân của hai người khác nhau để lừa đảo chiếm đoạt số tiền vay của công ty H là 16.978.000 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Trọng N đã bị cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp, đúng quy định.

Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ thể hiện số tiền thực tế Công ty H bị chiếm đoạt là 8.489.000 đồng, lần thứ hai bị cáo thực hiện nhưng chưa chiếm đoạt được đã bị phát hiện bắt giữ và thu hồi tài sản trả lại ngay cho công ty (chưa đạt). Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp giấy đăng ký kết hôn với chị Hồ Thị Hồng L, sinh năm 1987 và giấy siêu âm của Bệnh viện N (Thành phố Hồ Chí Minh) chứng minh vợ bị cáo (chị L) đang có thai được 22 tuần. Do vậy, nghĩ không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và chăm sóc vợ con, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải. Do đó, kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

Về dân sự: Theo Hợp đồng vay vốn ngày 02/8/2016 (Bút lục 39) giữa bên cho vay là công ty H và bên vay bị cáo Nguyễn Trọng N (mang tên Vũ Đặng Quốc M) trong đó các bên có thỏa thuận về lãi suất hàng tháng phải thanh toán. Tuy nhiên, chỉ sau một ngày (ngày 03/8/2016), bị cáo đã bị phát hiện thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bên cho vay, nên Hợp đồng ký kết trên bị vô hiệu do có sự lừa dối (“Hợp đồng, giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối”) theo quy định tại Điều 127, Điều 407 BLDS 2015 việc bên cho vay (công ty H) yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền chiếm đoạt 8.489.000 đồng là đúng quy định. Riêng yêu cầu bồi thường tiền lãi phát sinh tính đến cuối kỳ theo Hợp đồng vay là không đúng. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không xem xét giải quyết, tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án cũng không xem xét mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu của công ty H để buộc bị cáo bồi thường số tiền 13.044.000 đồng (cả gốc và lãi) là không đúng, gây thiệt hại cho bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo đã bồi thường xong và không có kháng

cáo, kháng nghị về vấn đề này nên cấp phúc thẩm không xem xét nhưng cấp sơ thẩm cần chú ý rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm số 281/2017/HSST ngày 19/7/2017 của TAND thành phố B còn có sai sót như: Trong vụ án này, bên bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Trọng N gây ra là công ty H. Theo quy định tại Điều 52 của Bộ Luật Tố tụng hình sự thì công ty H là nguyên đơn dân sự. Cấp sơ thẩm xác định công ty H là người bị hại là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Quan điểm của đại diện VKS tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng N, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 139 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Điều 60 BLHS.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Trọng N 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Trọng N cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng quản lý, giáo dục.

Bị cáo Nguyễn Trọng N bị xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí HSPT.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh – VKS Tp. B(2);
- PV 27;
- TAND Tp. B(2);
- THADS Tp. B;
- CA Tp. B;
- Bị cáo;
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hồng Hương